TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19.02.2020
V/v *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2. Ông Hoàng Đình Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 826/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y**,** sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chị đi làm ăn đem tiền về anh H chê ít, vợ chồng thường xuyên gây gổ, chị và anh H sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Con chung có 03 người: Nguyễn Ngọc D, sinh năm1990; Nguyễn Tấn K, sinh năm 1991; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996.

Về tài sản chung; Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Không có

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H trình bày tại biên bản ngày 16.01.2020

Anh và chị Y chung sống với nhau vào năm 1989, không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chị Y đi làm ăn một năm về không có tiền, anh chị thường xuyên gây gổ, anh và chị Y sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Chị Y xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Con chung theo chị Y trình bày là đúng, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung; Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Không có

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Châu Thành trình bày việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ một cách khách quan, cụ thể, rõ ràng, chuyển hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết; Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn H, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014 thì việc chung sống giữa chị Y và anh H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 03 người

Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn K, sinh năm 1991; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung; Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có 03 người

Nguyễn Ngọc D, sinh năm1990; Nguyễn Tấn K, sinh năm 1991; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung; Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006623 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Bình

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh
-THADS huyện T;
-VKSND huyện T;
-Các đương sự;
-Lưu HS,TA.

`

HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Hà- Nguyễn Thị Thu Ba

Nguyễn Thị Minh Bình

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-THADS huyện Châu Thành;
-VKSND huyện Châu Thành
-Các đương sự;
-Lưu HS,TA.